

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

1.1. Giới thiệu về dự án:

- Kế hoạch sửa chữa Tài sản cố định năm 2025
- Chủ đầu tư: Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV
- Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa, bảo dưỡng thay thế thiết bị. Đảm bảo điều kiện, năng lực của thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Địa điểm thực hiện dự án: Phân xưởng Kho bển, Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025

1.2. Giới thiệu về gói thầu:

Bên mời thầu giới thiệu các thông tin cơ bản như sau:

- * Tên thiết bị: Máy đánh đồng ST3 (phần Cơ + Kết cấu)
- * Đơn vị quản lý thiết bị: Phân xưởng Kho bển
- * Nước sản xuất: Nhật Bản
- * Ngày đưa vào sử dụng: 01/01/1980
- * Số thẻ tài sản: N4-264
- * Đặc tính kỹ thuật cơ bản:
 - Năng suất thiết bị: 800 Tấn/giờ ; Max :1.000 Tấn/giờ
 - Nguồn điện cung cấp tới máy: AC 6000 V – 50Hz.
 - Nguồn điện động lực: AC 380 V – 50 Hz.
 - Nguồn điện chiếu sáng: AC 220V – 50 Hz.
 - Tốc độ di chuyển máy: 0 ÷ 30 m/ph
 - Đường ray di chuyển: Loại ray P43 x 2; Lk : 17 mét.
 - Băng cần: Công suất 55 KW; Dây băng: B1200
 - Băng trung gian: Công suất 55 KW; Dây băng: B1200
- * Tên gói thầu: Trung đại tu Máy đánh đồng ST3 (phần Cơ + Kết cấu)
- * Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng).
- * Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- * Loại hợp đồng: Trọn gói
- * Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 60 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao thiết bị cho nhà thầu sửa chữa đến khi bàn giao thiết bị sau sửa chữa vào sản xuất (chỉ tính những ngày dừng thiết bị để sửa chữa).

* Phạm vi công việc: Trung đại tu Máy đánh đồng ST3 (phần Cơ + Kết cấu)

- Tháo dỡ vật tư cũ, cung cấp lắp đặt vật tư mới.

- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.

- Chạy thử, nghiệm thu.

- Trợ giúp kỹ thuật, bảo hành thiết bị.

2. Mục tiêu công việc:

Khối lượng công việc được thể hiện theo bảng tiên lượng khối lượng sửa chữa

sau:

2.1. Bảng tiên lượng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
A	PHẦN CƠ						
I	04 cụm chân di chuyển						
1	Ga lê trơn	Bộ	Ga lê trơn (bao gồm cả trục và 02 vòng bi 23122) D400	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
2	Ga lê răng	Bộ	Ga lê răng (bao gồm cả trục và bánh răng, 02 vòng bi 23122) D400	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất xưởng
3	Bánh răng trung gian	Cái	M10-Z58	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
4	Vòng bi (lắp bánh răng trung gian Z58)	Vòng	RS-5018NRS5 (bao gồm phanh vòng bi) Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	4		CO, CQ
5	Trục bánh răng trung gian Z58	Cái	Φ100x750	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
6	Phanh đầu trục bánh răng trung gian Z30	Cái	Φ95xd2x3	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
7	Bánh răng trung gian	Cái	Z30-M10	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
8	Vòng bi (lắp bánh răng trung gian Z30)	Vòng	RS-5016NRS5 (bao gồm phanh vòng bi) Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	8		CO, CQ
9	Trục bánh răng trung gian Z30	Cái	Φ100x650	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
10	Trục bánh răng trung gian Z30	Cái	Φ100x750	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
11	Phanh đầu trục bánh răng trung gian Z30	Cái	Φ75xd2x3	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
12	Bánh răng đầu ra HGT	Cái	Z18 m10	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
13	Vòng bi	Vòng	NU212 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
14	Vòng bi	Vòng	30212 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
15	Vòng bi	Vòng	22212 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
16	Vòng bi	Vòng	22216 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
17	Vòng bi	Vòng	22220 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	4		CO, CQ
18	Bánh răng đầu vào HGT	Cái	M4-Z18	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
19	Bánh răng cầu số 1 HGT	Cái	M4-Z45	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
20	Bánh răng cầu số 1 HGT	Cái	M4-Z19	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
21	Bánh răng cầu số 2 HGT	Cái	M4-Z21	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
22	Bánh răng cầu số 2 HGT	Cái	M4-Z59	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
23	Ống dầu xả đáy	m	Ống thép Φ21x900 - 4 ống	Vật tư mới 100%	3,6		Cam kết
24	Ống đồng dẫn dầu hồi	m	Φ10	Vật tư mới 100%	1,2		Cam kết
25	Zắc co đầu ống dầu hồi	Cái	M12	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
26	Khớp nối xích (đầu vào hộp giảm tốc)	Bộ	CHC8018 (bao gồm cả xích và khớp nối) Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
27	Dầu bôi trơn hộp giảm tốc	lít	SAE50	Vật tư mới 100%	60		Cam kết
28	Vòng bi (lắp phanh di chuyển)	Vòng	6203 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
29	Vòng bi (lắp phanh di chuyển)	Vòng	6201 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
30	Má phanh (lắp phanh di chuyển)	Cái	HBL2010 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	6		CO, CQ
II	Quay tâm						
1	Vòng bi	Vòng	NU211 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Cam kết
2	Vòng bi	Vòng	30211 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
3	Vòng bi	Vòng	6213 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
4	Vòng bi	Vòng	32014 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Cam kết
5	Vòng bi	Vòng	23038 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		CO, CQ
6	Vòng bi	Vòng	32016 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
7	Vòng bi	Vòng	32022 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
8	Vòng bi	Vòng	32024 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Cam kết
9	Vòng bi	Vòng	32036 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		CO, CQ

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
10	Dầu HGT SAE50	Lít	SAE50	Vật tư mới 100%	200		Cam kết
11	Bánh răng đầu ra HGT	Cái	M16-Z22	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
12	Cơ cấu vớt dầu đầu trực hộp giảm tốc	Cụm	M16-Z20	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
13	Bu lông bắt đế HGT	Bộ	M24x120	Vật tư mới 100%	24		Cam kết
14	Bu lông bắt vỏ HGT	Bộ	M24x120	Vật tư mới 100%	16		Cam kết
15	Bu lông bắt mặt bích	Bộ	M16x40	Vật tư mới 100%	24		Cam kết
16	Bu lông bắt mặt bích	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
17	Khớp nối xích đầu vào hộp giảm tốc	Bộ	CHC5018 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
18	Má phanh (lắp quay cần)	Cái	HBL2010 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
19	Vòng bi (lắp trực đứng)	Vòng	23044 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
III	Băng cần						
1	Hộp giảm tốc	Cái	- Công suất đầu vào: 55 KW - Tốc độ: 1500 v/phút - Tỷ số truyền thực: 17,936 - Kiểu lắp: Chân đế - Trục đầu ra vuông góc bên phải trục đầu vào (nhìn từ phía trục đầu vào) (hoặc tương đương với Model: PHD 9060 R2 RR-18)	Vật tư mới 100%	1		CO, CQ

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
2	Bu lông bắt đế HGT	Bộ	M30x100	Vật tư mới 100%	6		Cam kết
3	Dầu bôi trơn hộp giảm tốc	Lít	SAE50	Vật tư mới 100%	40		Cam kết
4	Khớp nối (đầu vào hộp giảm tốc)	Bộ	TNM G214 (Pb82) Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
5	Khớp nối xích (đầu ra hộp giảm tốc)	Bộ	CHC12022 (bao gồm xích, khớp nối, bao xích) Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
6	Tấm búa chủ động bọc cao su	Quả	Φ640x1300	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
7	Vòng bi	Vòng	22224EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
8	Côn vòng bi	Cái	H3124	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
9	Gối đỡ	Cái	SN 524 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
10	Bu lông gối đỡ	Bộ	M24x120	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
11	Vòng bi	Vòng	22220EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
12	Côn vòng bi	Cái	H32	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
13	Vòng bi (lắp tấm búa đầu cần)	Vòng	22220EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
14	Côn vòng bi	Cái	H320	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
15	Vòng bi	Vòng	22216EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
16	Côn vòng bi	Cái	H316	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
17	Tấm búa đuôi căng băng	Quả	Φ500x1300	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
18	Vòng bi	Vòng	22222EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
19	Côn vòng bi	Cái	H322	Vật tư mới 100%	2		Cam kết

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
20	Bánh xe di chuyển tâm bua đuôi băng	Cụm	Φ320	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
21	Vòng bi	Vòng	22218E Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
22	Vòng bi	Vòng	22216EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
23	Côn vòng bi	Cái	H316	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
24	Bu lông bắt giá con lăn	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
25	Bu lông bắt giá con lăn	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	36		Cam kết
26	Tai con lăn	Cái	B1200	Vật tư mới 100%	10		Chứng nhận xuất xưởng
27	Con lăn nhánh dưới	Quả	Φ140x1300	Vật tư mới 100%	5		Chứng nhận xuất xưởng
28	Bu lông bắt giá con lăn	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	72		Cam kết
29	Bu lông bắt giá con lăn	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
30	Bu lông bắt giá con lăn	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	24		Cam kết
31	Bu lông bắt để gạt băng	Bộ	M16x50	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
32	Xích treo đôi trọng	Sợi	Xích đơn 50 mắt	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
33	Cáp treo đôi trọng (2 sợi)	m	Φ16x3000 - 6 kg	Vật tư mới 100%	6		Cam kết
34	Kẹp cáp	Cái	Φ16	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
IV	Nâng hạ cần						
1	Dầu bôi trơn hộp giảm tốc	Lít	SAE50	Vật tư mới 100%	38		Cam kết
2	Cáp thép nâng hạ cần	m	Φ22,5 - 453 kg	Vật tư mới 100%	236		Cam kết

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
3	Mỡ bôi cấp thép	Kg	Mỡ phân chì	Vật tư mới 100%	15		Cam kết
4	Vòng bi	Vòng	RS-5024NRS5 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
V	Băng trung gian						
1	Hộp giảm tốc	Cái	- Công suất đầu vào: 55 KW - Tốc độ: 1500 v/phút - Tỷ số truyền thực: 17,936 - Kiểu lắp: Chân đế - Trục đầu ra vuông góc bên trái trục đầu vào (nhìn từ phía trục đầu vào) (hoặc tương đương với Model: PHD 9060 R2 RL-18)	Vật tư mới 100%	1		CO, CQ
2	Bu lông bắt đế HGT	Bộ	M30x120	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
3	Dầu bôi trơn hộp giảm tốc	Lít	SAE50	Vật tư mới 100%	40		Cam kết
4	Khớp nối (đầu vào hộp giảm tốc)	Bộ	TNM G214 (Pb82) Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
5	Khớp nối xích (đầu ra hộp giảm tốc)	Bộ	CHC12022 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
6	Tấm búa đầu giàn nghiêng tĩnh (trục dài)	Quả	Φ630x1300	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
7	Vòng bi	Vòng	22230EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
8	Côn vòng bi	Cái	H3130	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
9	Tấm búa chủ động bọc cao su	Quả	Φ640x1300	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
							xưởng
10	Vòng bi	Vòng	22224EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
11	Côn vòng bi	Cái	H3124	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
12	Gối đỡ	Cái	SN 524 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
13	Bu lông gối đỡ	Bộ	M24x120	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
14	Tấm búa dẫn hướng trên đối trọng	Quả	Φ400x1300	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
15	Vòng bi	Vòng	22220EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	4		CO, CQ
16	Côn vòng bi	Cái	H320	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
17	Gối đỡ	Cái	SN 520 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
18	Bu lông gối đỡ	Bộ	M20x120	Vật tư mới 100%	16		Cam kết
19	Tấm búa dẫn hướng	Quả	Φ500x1300	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
20	Vòng bi	Vòng	22220EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
21	Côn vòng bi	Cái	H320	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
22	Gối đỡ	Cái	SN 520 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
23	Bu lông gối đỡ	Bộ	M20x120	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
24	Tấm búa đối trọng	Quả	Φ500x1300	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
25	Vòng bi	Vòng	22220EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
26	Côn vòng bi	Cái	H320	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
27	Bu lông gối đỡ	Bộ	M20x120	Vật tư mới 100%	8		Cam kết

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
28	Tấm búa đầu băng	Quả	Φ500x1300	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
29	Vòng bi	Vòng	22220EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
30	Côn vòng bi	Cái	H320	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
31	Bu lông gói đỡ	Bộ	M20x120	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
32	Tấm búa đuôi băng	Quả	Φ400x1300	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
33	Vòng bi	Vòng	22220EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
34	Côn vòng bi	Cái	H320	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
35	Gối đỡ	Cái	SN 520 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
36	Bu lông gói đỡ	Bộ	M20x120	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
37	Tai con lăn	Cái	B1200	Vật tư mới 100%	14		Chứng nhận xuất xưởng
38	Con lăn nhánh dưới	Quả	Φ140x1300	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất xưởng
39	Bu lông bắt giá con lăn	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	304		Cam kết
40	Gạt băng (gạt sơ cấp)	Bộ	B1200	Vật tư mới 100%	1		CO, CQ
41	Bu lông bắt đế gạt băng	Bộ	M16x60	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
VI	Tang cáp điện						
1	Xích lai đầu ra tang cuốn cáp	Sợi	Xích đơn RS100 x 94 mắt	Vật tư mới 100%	1		Cam kết
2	Xích lai đầu vào tang cuốn cáp	Sợi	Xích đơn RS60x28 mắt	Vật tư mới 100%	1		Cam kết
3	Đĩa xích	Cái	Φ550	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
4	Đĩa xích	Cái	Φ200 (lắp xích RS60x28 mắt)	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
VII	Giàn nghiêng						
1	Vòng bi	Vòng	6307 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
2	Vòng bi	Vòng	6307 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
3	Vòng bi	Vòng	6216 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
4	Dầu bôi trơn hộp giảm tốc	Lít	SAE50	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
5	Khớp nối xích	Bộ	CHC 5018 (bao gồm khớp nối răng+ xích+bao xích) Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
6	Bánh xe đà băng	Cái	Φ500	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
7	Vòng bi	Vòng	22216EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
8	Côn vòng bi	Cái	H316	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
9	Gối đỡ	Cái	SN 516 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		CO, CQ
10	Bu lông bắt gối	Bộ	M16x80	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
11	Vòng bi	Vòng	22216EK Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
12	Côn vòng bi	Cái	H316	Vật tư mới 100%	2		Cam kết
13	Pu ly dẫn hướng cáp	Cái	Φ300	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
14	Vòng bi (lắp pu ly dẫn hướng cáp)	Vòng	RS-5012NRS5 Hoặc tương đương	Vật tư mới 100%	6		CO, CQ
15	Cáp thép nâng hạ giàn nghiêng	m	Φ14 - 60 kg	Vật tư mới 100%	70		Cam kết
16	Mỡ bôi cáp thép	Kg	Mỡ phân chì	Vật tư mới 100%	3		Cam kết

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
B	PHẦN KẾT CẤU						
I	Kết cấu tầng 1						
1	Sàn đi lại 2 bên núi + biển	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 6000x500 - 1 tấm - 46 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
2	Khung dọc sàn đi lại 2 bên núi + biển	m	U100x6000 - 2 thanh - 108 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận xuất xưởng
3	Khung ngang sàn đi lại 2 bên núi + biển	m	U100x500 - 10 thanh - 40 kg	Vật tư mới 100%	5		Chứng nhận xuất xưởng
4	Công son đỡ sàn sàn đi lại 2 bên núi + biển	Cái	10 ly- SS400- 700x500 - 27 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
5	Sàn đi lại 2 bên Cửa ông + Cẩm phả	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 4000x1400 - 2 tấm - 170 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
6	Khung đỡ sàn đi lại 2 bên Cửa ông + Cẩm phả	m	U100x4000 - 2 thanh - 72 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
7	Sàn thao tác dưới đủ điện trung gian	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 3000x2000 - 2 tấm - 184 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
8	Khung dọc đỡ sàn dưới đủ điện trung gian	m	L70x70x7x3000 - 2 thanh - 44 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
9	Khung ngang đỡ sàn dưới đủ điện trung gian	m	L50x50x5x1000 - 8 thanh - 32 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
10	Bề mặt khung sàn mé núi	Tấm	10 ly- SS400- 3000x700 - 165 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
11	Khung dọc cầu thang mé núi + biển lên tầng 1	m	U100x4500 - 2 thanh - 80 kg	Vật tư mới 100%	9		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
12	Khung văng đỡ cầu thang mé núi + biển lên tầng 1	m	L80x80x8x3500 - 2 thanh - 68 kg	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất xưởng
13	Tay vịn cầu thang mé núi + biển lên tầng 1	m	Thép ống Φ34	Vật tư mới 100%	20		Cam kết
14	Khung tay vịn cầu thang mé núi + biển lên tầng 1	m	Lập là 60x6 - 3 kg	Vật tư mới 100%	20		Chứng nhận xuất xưởng
15	Lan can quanh sàn tầng 1	m	Thép ống Φ34	Vật tư mới 100%	30		Cam kết
16	Khung tay vịn lan can quanh sàn tầng 1	m	Lập là 60x6 - 3 kg	Vật tư mới 100%	30		Chứng nhận xuất xưởng
17	Cột đỡ lan can quanh sàn tầng 1	m	L50x50x5x1100 - 10 thanh - 40 kg	Vật tư mới 100%	11		Chứng nhận xuất xưởng
18	Đầu đấm cao su bao gồm cả chân đế	Cụm	Φ200x200	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
19	Bu lông bắt đế	Bộ	M20x100	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
II	Kết cấu băng cần tầng 2						
1	Cầu thang lên dọc băng cần	Thanh	Lập là 70x10x1500 - 4 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
2	Bậc cầu thang lên dọc băng cần	m	Thép tròn Φ20x400 - 5 thanh - 5 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
3	Khung chéo	m	L70x70x7x2000 - 2 thanh - 30 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
4	Giằng chéo dưới khung băng cần	m	L75x75x7x2500 - 38 thanh - 760 kg	Vật tư mới 100%	95		Chứng nhận xuất xưởng
5	Giằng chéo đứng dưới khung băng cần	m	L75x75x7x500 - 38 thanh - 152 kg	Vật tư mới 100%	19		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
6	Mã liên kết khung chéo	Cái	300x300-δ10 SS400 - 7 kg	Vật tư mới 100%	38		Chứng nhận xuất xưởng
7	Khung ngang đỡ sàn dọc băng cần	m	U100x3200 - 18 thanh - 522 kg	Vật tư mới 100%	57,6		Chứng nhận xuất xưởng
8	Khung dọc đỡ sàn dọc băng cần	m	L70x70x7x6000 - 2 thanh - 88 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận xuất xưởng
9	Tay vịn lan can	m	Thép ống Φ34	Vật tư mới 100%	10		Cam kết
10	Sàn dọc băng cần	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 550x3000 - 3 tấm - 75 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
11	Khung dọc đỡ giá con đuôi băng	m	U120x7000 - 2 thanh - 128 kg	Vật tư mới 100%	14		Chứng nhận xuất xưởng
12	Cột đỡ khung	m	U120x1600 - 2 thanh - 30 kg	Vật tư mới 100%	3,2		Chứng nhận xuất xưởng
13	Cột đỡ tấm bua chủ động + tấm bua góc ôm	m	H150x1000 - 4 thanh - 128 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
14	Khung dọc tấm bua chủ động + tấm bua góc ôm	m	H150x2000 - 2 thanh - 126 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
15	Tấm mã liên kết khung cột	Tấm	10 ly- SS400- 1000x500 - 39 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
16	Giằng ngang chân cột	m	U120x1600 - 2 thanh - 30 kg	Vật tư mới 100%	3,2		Chứng nhận xuất xưởng
17	Giằng chéo chân cột	m	L70x70x7x1500 - 2 thanh - 22 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
18	Thành máng ngang đuôi băng cân thép tấm 8mm	Tấm	8 ly- SS400- 1300x650 - 53 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
19	Thành máng đuôi băng cân thép tấm 8mm	Tấm	8 ly- SS400- 3000x1000 - 188 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
20	Tấm lót thành máng	Tấm	3000x650-hardox- 10 ly - 153 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
21	Tấm chỉnh dòng trong máng thép tấm 10mm	Tấm	1200x950-hardox- 10 ly - 89 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
22	Thành bo đuôi băng cân thép tấm 8mm	Tấm	8 ly- SS400- 3000x550 - 104 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
23	Tấm đuôi bo băng cân thép tấm 8mm	Tấm	8 ly- SS400- 1400x800 - 70 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
24	Lẹp bo chắn than	m	Lập là 60x6 - 3 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
25	Bu lông bắt lẹp bo	Bộ	M16x70	Vật tư mới 100%	20		Cam kết
26	Khung đỡ đường dưới bánh xe tấm búa đuôi băng	m	H125x125x6000 - 2 thanh - 286 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận xuất xưởng
27	Bu lông bắt khung	Bộ	M16x70	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
28	Đường ray dưới bánh xe tấm búa đuôi băng	m	L80x80x7x3500 - 2 thanh - 68 kg	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất xưởng
29	Khung đường trên bánh xe tấm búa đuôi băng	m	U120x3500 - 2 thanh - 64 kg	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất xưởng
30	Đường ray trên bánh xe tấm búa đuôi băng	m	L50x50x5x3500 - 2 thanh - 26 kg	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
							xường
31	Khung chéo đứng đỡ tấm búa đuôi băng cần	m	H125x125x2200 - 4 thanh - 208 kg	Vật tư mới 100%	8,8		Chứng nhận xuất xưởng
32	Khung ngang đỡ tấm búa đuôi băng cần	m	H125x125x4500 - 1 thanh - 107 kg	Vật tư mới 100%	4,5		Chứng nhận xuất xưởng
33	Rào an toàn đuôi băng	Tám	Lưới mắt võng 5ly 1100x600 - 8 tấm - 80 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
34	Khung rào an toàn	m	L50x50x5x1100 - 32 thanh - 128 kg	Vật tư mới 100%	35,2		Chứng nhận xuất xưởng
35	Bu lông bắt khung	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	16		Cam kết
36	Khung ngang đường trượt đối trọng	m	U180x3500 - 1 thanh - 77 kg	Vật tư mới 100%	3,5		Chứng nhận xuất xưởng
37	Bu lông bắt khung	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
38	Dầm ngang cạnh hộp giảm tốc băng cần	m	U300x100x4000 - 2 thanh - 372 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
39	Dầm dọc cạnh hộp giảm tốc băng cần	m	U300x100x1600 - 2 thanh - 148 kg	Vật tư mới 100%	3,2		Chứng nhận xuất xưởng
40	Dầm dọc cạnh hộp giảm tốc băng cần	m	U300x100x3000 - 2 thanh - 278 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
41	Mặt sàn dưới đáy hộp giảm tốc băng cần	Tám	10 ly- SS400- 3000x1400 - 330 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
42	Bề mặt dầm chính đuôi băng cần I400	Tám	10 ly- SS400- 2000x400 - 63 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
43	Giằng chéo	m	L80x80x7 x2500 - 2 thanh - 48 kg	Vật tư mới 100%	5		Chứng nhận

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
							xuất xưởng
44	Sàn mắt võng mé ngoài hộp giảm tốc băng cần	Tám	Lưới mắt võng 5ly 4000x600 - 1 tấm - 37 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
45	Khung dọc đỡ sàn mé ngoài hộp giảm tốc băng cần	m	U100x4000 - 2 thanh - 72 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
46	Khung ngang đỡ sàn mé ngoài hộp giảm tốc băng cần	m	U100x600 - 4 thanh - 20 kg	Vật tư mới 100%	2,4		Chứng nhận xuất xưởng
47	Tay vịn lan can	m	Thép ống Φ34	Vật tư mới 100%	20		Cam kết
48	Thành lan can	m	Lập là 50x6 - 2 kg	Vật tư mới 100%	20		Chứng nhận xuất xưởng
49	Cột đỡ lan can	m	L50x50x5x1100 - 11 thanh - 44 kg	Vật tư mới 100%	12,1		Chứng nhận xuất xưởng
50	Sàn mắt võng cạnh hộp giảm tốc băng cần	Tám	Lưới mắt võng 5ly 4000x700 - 1 tấm - 43 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
51	Khung dọc cạnh hộp giảm tốc băng cần	m	U100x4000 - 2 thanh - 72 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
52	Khung ngang cạnh hộp giảm tốc băng cần	m	U100x700 - 2 thanh - 12 kg	Vật tư mới 100%	1,4		Chứng nhận xuất xưởng
53	Công son đỡ sàn	Cái	10 ly- SS400- 800x500 - 31 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
54	Bu lông bắt công son đỡ sàn	Bộ	M16x60	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
55	Khung ngang đỡ sàn	m	U120x1200 - 3 thanh - 33 kg	Vật tư mới 100%	3,6		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
56	Khung bê đỡ động cơ + HGT băng cần	m	H200x3000 - 2 thanh - 304 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
57	Tấm đế động cơ + HGT	Tấm	12 ly- SS400- 1000x3000 - 283 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
58	Bu lông bắt đế động cơ	Bộ	M20x120	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
59	Bu lông bắt đế HGT	Bộ	M40x120	Vật tư mới 100%	6		Cam kết
60	Bu lông	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
61	Mái che HGT băng cần	Cụm	2 ly- INOX - 1500x1200 - 29 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
62	Khung đỡ mái che	m	L70x70x7x1500 - 2 thanh - 22 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
63	Ống chân cột mái che	m	Thép ống Φ 34x1200 - 4 ống	Vật tư mới 100%	4,8		Cam kết
64	Bu lông	Bộ	M12x100	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
III	Kết cấu tầng 3						
1	Sàn thao tác cửa buồng điện	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 4500x900 - 1 tấm - 62 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
2	Khung dọc đỡ sàn	m	U100x4500 - 2 thanh - 80 kg	Vật tư mới 100%	9		Chứng nhận xuất xưởng
3	Khung dọc đỡ sàn	m	U100x900 - 4 thanh - 32 kg	Vật tư mới 100%	3,6		Chứng nhận xuất xưởng
4	Công son đỡ sàn	Cái	500x1500- δ 8 SS400 - 47 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
5	Bu lông bắt công son	Bộ	M20x70	Vật tư mới 100%	8		Cam kết

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
6	Lan can trước cửa buồng điện	m	Thép ống Φ34	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
7	Cột đỡ lan can	m	L50x50x1100 - 7 thanh - 28 kg	Vật tư mới 100%	7,7		Chứng nhận xuất xưởng
8	Cánh cửa ca bin	Cụm	Cánh cửa 2 lớp bao gồm kính, vách cửa, tay khóa cửa, đường trượt KT: 1800x800-d3	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
9	Mái che ca bin	Cụm	2500x2200-δ3 SS400 - 131 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
10	Khung đỡ mái che	m	L50x50x2500 - 4 thanh - 36 kg	Vật tư mới 100%	10		Chứng nhận xuất xưởng
11	Khung viền đỡ kính trước ca bin	m	Thép dập U60x1500 - 1 cụm - 9 kg	Vật tư mới 100%	1,5		Chứng nhận xuất xưởng
12	Đáy ca bin	Tấm	2000x1800-d6 - 170 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
13	Giằng chéo dưới ca bin	m	L80x80x7x2500 - 2 thanh - 48 kg	Vật tư mới 100%	5		Chứng nhận xuất xưởng
14	Sàn thao tác trước cửa ca bin	Tấm	Tôn nhám 1500x1100-d5 - 65 kg	Vật tư mới 100%	1		Cam kết
15	Sàn thao tác trước cửa ca bin	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 7500x600 - 1 tấm - 69 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
16	Khung dọc đỡ sàn	m	U100x7500 - 2 thanh - 134 kg	Vật tư mới 100%	15		Chứng nhận xuất xưởng
17	Khung ngang đỡ sàn	m	U100x600 - 2 thanh - 10 kg	Vật tư mới 100%	1,2		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
18	Công son đỡ sàn	Cái	1000x500-d10 - 39 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
19	Bu lông bắt công son	Bộ	M16x70	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
20	Cánh cửa buồng điện	Cụm	Cánh cửa 2 lớp bao gồm kính, vách cửa, tay khóa cửa, đường trượt KT: 1800x750-d3	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
21	Mái che buồng điện	Tấm	8000x4000-δ3 SS400 - 761 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
22	Khung đỡ mái che	m	L50x50x8000 - 6 thanh - 180 kg	Vật tư mới 100%	48		Chứng nhận xuất xưởng
23	Vách chân buồng điện	Tấm	1700x400-δ6 SS400 - 32 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
24	Sàn trong buồng điện	Tấm	Tôn nhám 5 ly 1700x1400 - 93 kg	Vật tư mới 100%	1		Cam kết
25	Khung đỡ sàn trong buồng điện	m	L50x50x5x1500 - 3 thanh - 18 kg	Vật tư mới 100%	4,5		Chứng nhận xuất xưởng
26	Đáy buồng điện	Tấm	7000x3000-δ6 SS400- 989 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
27	Khung dọc dưới đáy buồng điện	m	L70x70x7x6000 - 2 thanh - 88 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận xuất xưởng
28	Khung chéo dưới đáy buồng điện	m	L80x80x8x4500 - 2 thanh - 86 kg	Vật tư mới 100%	9		Chứng nhận xuất xưởng
29	Tấm dầy mặt sàn dưới đối trọng	Tấm	6 ly- SS400- 700x700 - 23 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
30	Tấm mặt khung dọc đỡ HGT nâng hạ	Tấm	10 ly- SS400- 300x5000 - 118 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
							xuất xưởng
31	Tấm mặt khung ngang đỡ HGT nâng hạ	Tấm	200x1500-δ10 SS400 - 24 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
32	Bề mặt chân đế khung chân đối trọng	Tấm	500x500-δ10 SS400- 20 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
33	Lan can quanh sàn tầng 3	m	Thép ống Φ34	Vật tư mới 100%	15		Cam kết
34	Lan can quanh sàn tầng 3	m	Lập là 60x6 - 3 kg	Vật tư mới 100%	15		Chứng nhận xuất xưởng
35	Cột lan can quanh sàn tầng 3	m	L50x50x1100 - 5 thanh - 20 kg	Vật tư mới 100%	5,5		Chứng nhận xuất xưởng
36	Bu lông bắt ca bô che động cơ nâng hạ cần	Bộ	M12x40	Vật tư mới 100%	6		Cam kết
IV	Tháp máy (khung chính)						
1	Tấm ốp chân tháp chính khu vực tầng 2	Tấm	10 ly- SS400- 400x2000 - 63 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
2	Gân tháp đứng	Cái	2000x200-δ10 SS400 - 8 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
3	Tấm ốp bề mặt dầm dọc đỡ sàn tầng 3	Tấm	3000x300-δ10 SS400 - 71 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
4	Mã chân khung chéo văng tháp đứng	Cái	400x200-δ10 SS400 - 6 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
5	Tấm dọc vách ngăn chia ô thép tấm	Tấm	10 ly- SS400- 400x800 - 25 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
6	Tấm ốp chân tháp chính khu vực tầng 1	Tấm	6 ly- SS400- 1500x2000 - 141 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
V	Kết cấu quay cần						
1	Tấm ốp gân dọc dầm dọc dưới HGT quay cần	Tấm	10 ly- SS400- 3000x400 - 94 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
2	Tấm ốp mặt dầm dọc dưới HGT	Tấm	10 ly- SS400- 3000x200 - 47 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
3	Tấm ốp gân dọc dầm ngang dưới HGT quay cần	Tấm	10 ly- SS400- 3500x400 - 110 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
4	Tấm ốp mặt dầm ngang dưới HGT quay cần	Tấm	10 ly- SS400- 3500x200 - 55 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
5	Khung giằng dọc dưới HGT quay cần	m	U250x100x1200 - 1 thanh - 42 kg	Vật tư mới 100%	1,2		Chứng nhận xuất xưởng
6	Giằng chéo dưới HGT quay cần	m	L90x90x8x1500 - 2 thanh - 32 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
7	Khung bộ đỡ dưới động cơ quay cần	m	U120x800 - 3 thanh - 21 kg	Vật tư mới 100%	2,4		Chứng nhận xuất xưởng
8	Đế đỡ dưới động cơ quay cần	Tấm	10 ly- SS400- 900x800 - 57 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
9	Bu lông bắt đế động cơ	Bộ	M12x100	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
10	Bu lông bắt đế phanh quay cần	Bộ	M12x100	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
11	Ca bô che động cơ quay cần	Cái	2 ly- Inox 201- 800x600x700 - 39 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
12	Mái che HGT quay cần	Cụm	2 ly- Inox 201- 1900x1500 - 45 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
							xuất xưởng
13	Khung mái che	m	L50x50x1900 - 4 thanh - 28 kg	Vật tư mới 100%	7,6		Chứng nhận xuất xưởng
14	Bu lông bắt mái che	Bộ	M12x60	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
15	Ca bô che bánh răng HGT quay cần	Cái	2 ly- Inox 201- 1500x1400x200 - 52 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
16	Bu lông bắt ca bô	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	16		Cam kết
17	Tấm ốp dầm hộp dưới bánh răng quay cần	Tấm	10 ly- SS400- 400x900 - 9 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
18	Sàn mắt võng 2 bên HGT quay cần	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 3000x600 - 2 tấm - 28 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
19	Khung dọc đỡ sàn 2 bên HGT quay cần	m	U100x3000 - 4 thanh - 108 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận xuất xưởng
20	Khung ngang đỡ sàn 2 bên HGT quay cần	m	U100x600 - 6 thanh - 30 kg	Vật tư mới 100%	3,6		Chứng nhận xuất xưởng
21	Công son đỡ sàn 2 bên HGT quay cần	Cái	10 ly- SS400- 800x400 - 25 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
22	Bu lông bắt công son đỡ sàn 2 bên HGT quay cần	Bộ	M16x60	Vật tư mới 100%	16		Cam kết
23	Ống lan can sàn 2 bên HGT quay cần	m	Ống thép Φ34	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
24	Lập là lan can sàn 2 bên HGT quay cần	m	Lập là 50x6 - 2 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận xuất xưởng
25	Cột đỡ lan can sàn 2 bên HGT quay cần	m	L50x50x5x1100 - 8 thanh - 32 kg	Vật tư mới 100%	8,8		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
26	Sàn mắt võng cánh động cơ quay cần	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 1200x900 - 1 tấm - 16 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
27	Khung dọc đỡ sàn 2 bên HGT quay cần	m	L50x50x5x3500 - 4 thanh - 52 kg	Vật tư mới 100%	14		Chứng nhận xuất xưởng
28	Tôn tấp khung ngang trong đài xoay	Tấm	10 ly- SS400- 1000x1500 - 118 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
29	Gân dọc quanh bên trong đài xoay	Tấm	10 ly- SS400- 200x1000 - 16 kg	Vật tư mới 100%	36		Chứng nhận xuất xưởng
30	Tấm ốp mặt dưới đài xoay	Tấm	10 ly- SS400- 4500x900 - 318 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
31	Sàn thao tác mắt võng trong đài xoay	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 600x200 - 1 tấm - 2 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
32	Khung đỡ sàn thao tác trong đài xoay	m	L70x70x7x2000 - 2 thanh - 30 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
33	Thanh đỡ ống trong đài xoay	m	U140x4000 - 8 thanh - 464 kg	Vật tư mới 100%	32		Chứng nhận xuất xưởng
34	Khung chéo trên ống đài xoay	m	L120x120x10x3500 - 4 thanh - 256 kg	Vật tư mới 100%	14		Chứng nhận xuất xưởng
35	Bu lông bắt khung chéo	Bộ	M24x120	Vật tư mới 100%	32		Cam kết
36	Ống cáp điện giữa đài xoay	m	Φ810x4500 - 1 cụm - 923 kg	Vật tư mới 100%	4,5		Chứng nhận xuất xưởng
37	Ống cáp điện giữa đài xoay	m	Φ220x4500 - 1 cụm - 290 kg	Vật tư mới 100%	4,5		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
38	Bu lông bắt ống cáp	Bộ	M16x40	Vật tư mới 100%	36		Cam kết
39	Hộp khung đỡ dưới ống trong đài xoay	Cụm	10 ly- SS400-300x300x1200 - 236 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
VI	Khung chân di chuyển						
*	Chân số 1 (mé núi đầu Cửa Ông)						
1	Tấm bề mặt trên cụm bút ghi ga lê răng	Tấm	10 ly- SS400-2100x500 - 82 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
2	Giường ga lê răng	Cụm	20 ly- SS400-840x340x350	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
3	Ca bê che động cơ	Cái	2 ly- Inox 201-1100x810x630 - 52 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
4	Ca bê che bánh răng	Cái	2 ly- Inox 201-1100x1200x200 - 36 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
5	Bu lông bắt ca bê	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
6	Mái che hộp giảm tốc	Cái	2 ly- Inox 201800x800x900 - 56 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
7	Cột đỡ mái che	m	Φ27x1200 - 4 ống	Vật tư mới 100%	4,8		Cam kết
8	Bu lông	Bộ	M12x100	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
*	Chân số 2 (mé núi đầu Cẩm Phả)						
1	Tấm bề mặt trên cụm bút ghi ga lê răng	Tấm	10 ly- SS400-2100x500 - 82 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
2	Giường ga lê răng	Bộ	20 ly- SS400-840x340x350	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
3	Ca bô che động cơ	Cái	2 ly- Inox 201-1100x810x630 - 52 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
4	Ca bô che bánh răng	Cái	2 ly- Inox 201-1100x1200x200 - 36 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
5	Bu lông bắt ca bô	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
6	Mái che hộp giảm tốc	Cụm	2 ly- Inox 201-800x800x900 - 56 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
7	Cột đỡ mái che	m	Φ27x1200 - 4 ống	Vật tư mới 100%	4,8		Cam kết
8	Bu lông	Bộ	M12x100	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
*	Chân số 3 (mé biển đầu Cửa Ông)						
1	Tấm bề mặt trên cụm bút ghi ga lê răng	Tấm	10 ly- SS400-2100x500 - 82 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
2	Ca bô che động cơ	Cái	2 ly- Inox 201-1100x810x630 - 52 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
3	Ca bô che bánh răng	Cái	2 ly- Inox 201-1100x1200x200 - 36 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
4	Bu lông bắt ca bô	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
5	Mái che hộp giảm tốc	Cụm	2 ly- Inox 201-800x800x900 - 56 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
6	Cột đỡ mái che	m	Φ27x1200 - 4 ống	Vật tư mới 100%	4,8		Cam kết
7	Bu lông	Bộ	M12x100	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
*	Chân số 4 (mé biển đầu Cẩm Phả)						
1	Tấm bề mặt trên cụm bút ghi ga lê	Tấm	10 ly- SS400-2100x500 - 82 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
	răng						xuất xưởng
2	Cụm khung đỡ đầu giới hạn	Cụm	10 ly- SS400-1300x250x300 - 56 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
3	Ca bô che động cơ	Cái	2 ly- Inox 201-1100x810x630 - 52 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
4	Ca bô che bánh răng	Cái	2 ly- Inox 201-1100x1200x200 - 36 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
5	Bu lông bắt ca bô	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	12		Cam kết
6	Mái che hộp giảm tốc	Cụm	2 ly- Inox 201-800x800x900 - 56 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
7	Cột đỡ mái che	m	Φ27x1200 - 4 ống	Vật tư mới 100%	4,8		Cam kết
8	Bu lông	Bộ	M12x100	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
VII	Băng trung gian + giàn nghiêng						
1	Khung dọc đứng chân di chuyển số 1	Cụm	10 ly- SS400-700x400x1300 - 157 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
2	Dầm ngang số 1	m	I300x170x5500 - 1 thanh - 202 kg	Vật tư mới 100%	5,5		Chứng nhận xuất xưởng
3	Dầm chéo trên chân số 1	m	H200x2500 - 2 thanh - 252 kg	Vật tư mới 100%	5		Chứng nhận xuất xưởng
4	Dầm ngang trên dầm số 1	m	I400x200x3000 - 1 thanh - 198 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
5	Chân bộ ắc động đỡ khung chân giàn nghiêng	Cụm	20 ly- SS400-300x250x200	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
6	Dầm ngang số 2 hình Δ	Thanh	200x200x5500 - δ 10 SS400 - 259 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
7	Dầm dọc đỡ Δ	m	U320x110x1200 - 2 thanh - 92 kg	Vật tư mới 100%	2,4		Chứng nhận xuất xưởng
8	Khung chéo đỡ dầm Δ	m	U330x1800 - 2 thanh - 132 kg	Vật tư mới 100%	3,6		Chứng nhận xuất xưởng
9	Dầm dọc hộp	Thanh	150x100x1200 - δ 10 SS400 - 57 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
10	Dầm ngang	m	H200x3500 - 2 thanh - 354 kg	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất xưởng
11	Dầm dọc	m	H200x3000 - 2 thanh - 304 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
12	Dầm ngang hình Δ	Thanh	250x250x2000- δ 10 SS400 - 118 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
13	Giằng ngang	m	L80x80x8x2000 - 1 thanh - 19 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
14	Giằng ngang	m	U120x1500 - 1 thanh - 14 kg	Vật tư mới 100%	1,5		Chứng nhận xuất xưởng
15	Giằng chéo	m	L90x90x8x2000 - 2 thanh - 44 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
16	Giằng chéo	m	L70x70x7x2000 - 4 thanh - 60 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
17	Giằng chéo hình T	Thanh	170x170x2500- δ 10 SS400 - 67 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
18	Bu lông bắt giằng mã	Bộ	M16x70	Vật tư mới 100%	24		Cam kết
19	Dầm ngang số 3	m	I400x200x3000 - 1 thanh - 198 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
20	Dầm ngang số 4	m	I400x200x3000 - 1 thanh - 198 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
21	Dầm dọc đỡ dưới vành trượt 6KV	m	H200x3500 - 1 thanh - 177 kg	Vật tư mới 100%	3,5		Chứng nhận xuất xưởng
22	Dầm dọc đỡ dưới vành trượt 6KV	m	H200x1500 - 1 thanh - 76 kg	Vật tư mới 100%	1,5		Chứng nhận xuất xưởng
23	Dầm ngang số 5 (trên chân giàn nghiêng số 2)	m	I400x200x5500 - 1 thanh - 363 kg	Vật tư mới 100%	5,5		Chứng nhận xuất xưởng
24	Tấm ốp gân dọc dầm ngang số 6	Tấm	10 ly- SS400- 5500x400 - 173 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
25	Tấm ốp mặt dầm ngang số 6	Tấm	10 ly- SS400- 5500x300 - 130 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
26	Tấm ốp gân dầm dọc	Tấm	10 ly- SS400- 5000x400 - 157 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
27	Tấm ốp mặt dầm dọc	Tấm	10 ly- SS400- 5000x200 - 79 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
28	Giằng chéo	m	L120x120x3500 - 2 thanh - 128 kg	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất xưởng
29	Mã giằng chéo	Cái	10 ly- SS400- 500x400 - 16 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
30	Giằng ngang	m	U200x1500 - 2 thanh - 56 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
31	Giằng ngang	m	U120x1500 - 4 thanh - 56 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
32	Hộp bao xích tang cáp	Cái	2 ly- Inox 201- 1600x800x120 - 29 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
33	Ca bê che động cơ tang cáp	Cái	2 ly- Inox 201 - 700x600x550 - 29 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
34	Ca bê che phanh tang cáp	Cái	2 ly- Inox 201- 300x400xx600 - 15 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
35	Ca bê che khớp nối đầu động cơ	Cái	2 ly- Inox 201 - 450x300x150 - 6 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
36	Bu lông	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	24		Cam kết
37	Mái che hộp vành trượt 6KV	Cụm	2 ly- Inox 201- 4500x2500 - 178 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
38	Khung dọc mái che	m	L50x50x5x4500 - 4 thanh - 68 kg	Vật tư mới 100%	18		Chứng nhận xuất xưởng
39	Khung ngang mái che	m	L50x50x5x2500 - 4 thanh - 36 kg	Vật tư mới 100%	10		Chứng nhận xuất xưởng
40	Khung dọc cầu thang lên khu vực đi vào động cơ băng trung gian	m	L70x70x7x2000 - 2 thanh - 30 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
41	Khung ngang cầu thang	m	L50x50x5x400 - 5 thanh - 10 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
42	Sàn khu vực đi vào động cơ băng trung gian	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 3500x1300 - 1 tấm - 69 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
43	Khung đỡ sàn đi vào động cơ băng trung gian	m	L70x70x7x3500 - 3 thanh - 78 kg	Vật tư mới 100%	10,5		Chứng nhận xuất xưởng
44	Khung đỡ sàn đi vào động cơ băng trung gian	m	U160x1500 - 3 thanh - 87 kg	Vật tư mới 100%	4,5		Chứng nhận xuất xưởng
45	Công son đỡ sàn đi vào động cơ băng trung gian	Cái	10 ly- SS400- 1500x400 - 47 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
46	Bu lông bắt công son	Bộ	M16x70	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
47	Lan can đi vào động cơ băng trung gian	m	Thép ống Φ34	Vật tư mới 100%	6		Cam kết
48	Lan can đi vào động cơ băng trung gian	m	Lập là 60x6 - 3 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
49	Cột đỡ lan can đi vào động cơ băng trung gian	m	L50x50x5x1100 - 6 thanh - 24 kg	Vật tư mới 100%	6,6		Chứng nhận xuất xưởng
50	Sàn khu vực cạnh HGT băng trung gian	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 2500x500 - 1 tấm - 19 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
51	Khung dọc đỡ sàn	m	L70x70x7x2500 - 4 thanh - 72 kg	Vật tư mới 100%	10		Chứng nhận xuất xưởng
52	Khung dọc đỡ sàn	m	U120x800 - 8 thanh - 56 kg	Vật tư mới 100%	6,4		Chứng nhận xuất xưởng
53	Lan can quanh HGT băng trung gian	m	Thép ống Φ34	Vật tư mới 100%	10		Cam kết
54	Lan can quanh HGT băng trung gian	m	Lập là 60x6 - 3 kg	Vật tư mới 100%	10		Chứng nhận xuất

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
							xường
55	Cột đỡ lan can quanh HGT băng trung gian	m	L50x50x5x1100 - 10 thanh - 40 kg	Vật tư mới 100%	11		Chứng nhận xuất xưởng
56	Bu lông	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
57	Tấm ốp chân cột đứng đỡ dầm đầu giàn nghiêng	Tấm	10 ly- SS400- 500x200 - 8 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
58	Giằng chéo chân cột đứng	m	L90x90x8x2500 - 196 kg	Vật tư mới 100%	10		Chứng nhận xuất xưởng
59	Giằng chéo chân cột đứng	m	L90x90x8x1000 - 2 thanh - 22 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
60	Mã giằng chéo	Cái	10 ly- SS400- 400x300 - 9 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
61	Mã giằng chéo	Cái	10 ly- SS400- 200x200 - 3 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
62	Sàn khu vực tấm búa chủ động	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 2500x1200 - 1 tấm - 46 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
63	Cột đỡ lan can khu vực tấm búa chủ động	m	L50x50x5x1100 - 6 thanh - 24 kg	Vật tư mới 100%	6,6		Chứng nhận xuất xưởng
64	Khung đỡ sàn khu vực tấm búa chủ động	m	U120x1200 - 4 thanh - 44 kg	Vật tư mới 100%	4,8		Chứng nhận xuất xưởng
65	Sàn khu vực tấm búa chủ động	Tấm	Tôn nhám 5 ly - 2500x600 - 59 kg	Vật tư mới 100%	1		Cam kết
66	Khung chéo đỡ sàn	m	L80x80x8x2000 - 2 thanh - 38 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
67	Khung ngoài đường trượt đôi trọng băng trung gian	m	U100x900 - 4 thanh - 32 kg	Vật tư mới 100%	3,6		Chứng nhận xuất xưởng
68	Khung trong đường trượt đôi trọng băng trung gian	m	U80x2500 - 4 thanh - 76 kg	Vật tư mới 100%	10		Chứng nhận xuất xưởng
69	Khung ngang khung đường trượt	Thanh	20 ly- SS400-700x100 - 11 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
70	Khung ngang khung đường trượt	m	U100x700 - 2 thanh - 12 kg	Vật tư mới 100%	1,4		Chứng nhận xuất xưởng
71	Khung ngang đôi trọng	m	H150x1500 - 1 thanh - 47 kg	Vật tư mới 100%	1,5		Chứng nhận xuất xưởng
72	Bệ đỡ gối đỡ gối đỡ tấm bua chủ động	Cụm	12 ly- SS400-800x300x160	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
73	Dầm dọc đỡ tấm bua dẫn hướng trên đôi trọng	m	H200x4000 - 2 thanh - 404 kg	Vật tư mới 100%	8		Chứng nhận xuất xưởng
74	Giằng chéo đỡ dầm	m	L70x70x7x3500 - 2 thanh - 52 kg	Vật tư mới 100%	7		Chứng nhận xuất xưởng
75	Khung bệ đỡ đế tấm bua chủ động băng trung gian	m	I400x200x900 - 2 thanh - 118 kg	Vật tư mới 100%	1,8		Chứng nhận xuất xưởng
76	Khung bệ đỡ động cơ + HGT băng cần	m	H200x3000 - 2 thanh - 304 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
77	Tấm đế động cơ + HGT	Tấm	12 ly- SS400-1000x3000 - 283 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
78	Bu lông bắt đế động cơ	Bộ	M20x120	Vật tư mới 100%	4		Cam kết

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
79	Bu lông bắt đế HGT	Bộ	M40x120	Vật tư mới 100%	4		Cam kết
*	Giàn nghiêng tĩnh						
80	Thành máng đuôi giàn nghiêng	Tấm	10 ly- SS400- 5000x900 - 353 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
81	Tấm hậu máng đuôi giàn nghiêng	Tấm	10 ly- SS400- 1100x900 - 78 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
82	Tấm đón than trong máng	Tấm	Hardox500-δ10- 1000x600 - 47 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
83	Thanh dọc ép bo cao su	Thanh	60x5000xδ6 SS400 - 14 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
84	Bu lông bắt lẹp bo	Bộ	M16x70	Vật tư mới 100%	20		Cam kết
85	Khung ngang đỡ máng	m	U140x3000 - 2 thanh - 88 kg	Vật tư mới 100%	6		Chứng nhận xuất xưởng
86	Khung dọc đỡ máng	m	U140x1200 - 4 thanh - 72 kg	Vật tư mới 100%	4,8		Chứng nhận xuất xưởng
87	Sàn thao tác đuôi giàn nghiêng	Tấm	Lưới mắt võng 5ly 2500x1000 - 2 tấm - 76 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
88	Khung đỡ sàn	m	L70x70x7x2500 - 4 thanh - 72 kg	Vật tư mới 100%	10		Chứng nhận xuất xưởng
89	Công son đỡ sàn	Cái	10 ly- SS400- 1000x500 - 39 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
90	Bu lông bắt công son	Bộ	M16x70	Vật tư mới 100%	8		Cam kết
91	Khung ngang chéo đứng đuôi giàn nghiêng	m	H300x3000 - 1 thanh - 282 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
92	Khung dầm dọc chính giàn nghiêng 2 bên	m	I650x280 - 18864 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận xuất xưởng
93	Tấm ốp khung dầm dọc chính giàn nghiêng 2 bên	Tấm	10 ly- SS400-3000x650 - 153 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
94	Tấm ốp khung dầm dọc chính giàn nghiêng 2 bên	Tấm	10 ly- SS400-3000x280 - 66 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
95	Cụm bộ đỡ đầu giàn nghiêng	Cụm	10 ly- SS400-3000x800x300 - 157 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
96	Giằng ngang	m	I150x1800 - 2 thanh - 50 kg	Vật tư mới 100%	3,6		Chứng nhận xuất xưởng
97	Giằng chéo	m	L70x70x7x2000 - 2 thanh - 30 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
98	Giằng chéo	m	L90x90x8x2500 - 8 thanh - 216 kg	Vật tư mới 100%	20		Chứng nhận xuất xưởng
99	Giằng ngang	m	U100x3000 - 4 thanh - 108 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận xuất xưởng
100	Mã đỡ giá con lăn nhánh trên	Cái	10 ly- SS400-250x200 - 4 kg	Vật tư mới 100%	44		Chứng nhận xuất xưởng
101	Bạc cầu thang	Cái	Tôn nhám 600x220-d5 - 3 kg	Vật tư mới 100%	3		Cam kết
102	Sàn thao tác đuôi giàn nghiêng	Tấm	Lưới mắt võng 5 ly 600x8000 - 1 tấm - 73 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
103	Khung dọc đỡ sàn	m	U100x8000 - 2 thanh - 144 kg	Vật tư mới 100%	16		Chứng nhận xuất xưởng

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
104	Khung ngang đỡ sàn	m	U100x2000 - 2 thanh - 36 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
105	Khung ngang đỡ sàn	m	L50x50x5x500 - 8 thanh - 16 kg	Vật tư mới 100%	4		Chứng nhận xuất xưởng
106	Bệ + ốc tai treo thanh văng đỡ khung giàn nghiêng	Cụm	20 ly- SS400- 800x200 - 314 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
107	Ca bê che động cơ giàn nghiêng	Cái	2 ly- Inox 201- 800x700x450 - 30 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
108	Thành máng dầu giàn nghiêng	Tám	8 ly- SS400- 1600x1800 - 181 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
109	Tám chỉnh dòng trong máng	Tám	Hadox 500 δ10- 1200x1000 - 94 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
*	Giàn nghiêng động						
110	Dầm ngang	Cụm	Hộp 400x400x6000-δ10 SS400 - 754 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
111	Khung ngang giàn nghiêng	m	L90x90x8x2500 - 1 thanh - 27 kg	Vật tư mới 100%	2,5		Chứng nhận xuất xưởng
112	Thanh chéo	m	L90x90x8x1500 - 2 thanh - 32 kg	Vật tư mới 100%	3		Chứng nhận xuất xưởng
113	Mã giằng chéo	Tám	10 ly- SS400- 400x300 - 9 kg	Vật tư mới 100%	1		Chứng nhận xuất xưởng
114	Khung ngang	m	U120x3000 - 5 thanh - 140 kg	Vật tư mới 100%	15		Chứng nhận xuất xưởng
115	Khung chéo	m	L90x90x8x3000 - 4 thanh - 132 kg	Vật tư mới 100%	12		Chứng nhận

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng SC		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi	
							xuất xưởng
116	Bệ đỡ giá con lăn	Tám	10 ly- SS400-300x300 - 7 kg	Vật tư mới 100%	20		Chứng nhận xuất xưởng
117	Bu lông bắt giá con lăn vào bệ	Bộ	M12x50	Vật tư mới 100%	80		Cam kết
118	Bề mặt khung dọc chính	Tám	10 ly- SS400-600x4000 - 188 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
119	Bề mặt khung dọc chính	Tám	10 ly- SS400-200x4000 - 63 kg	Vật tư mới 100%	2		Chứng nhận xuất xưởng
120	Vệ sinh, sơn chống rỉ, sơn vàng 02 lớp toàn thiết bị	HT			1		

Vật tư phụ

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng	Ghi chú
1	Dây hàn ER70S-6	Kg	1,2mm	Vật tư mới 100%	200	Cam kết
2	Dây hàn Inox	Kg	1,2mm	Vật tư mới 100%	25	Cam kết
3	Khí gas	Kg	12 kg/bình	Vật tư mới 100%	50	Cam kết
4	Khí ôxy	Chai	thể tích 40lít, chiều cao 1350mm, đường kính 219mm)	Vật tư mới 100%	25	Cam kết
5	Mỡ phân chì	Kg	Phuy 180; Xô 17kg	Vật tư mới 100%	34	Cam kết
6	Mỡ Sinopec Golden Grease NLGI3	Kg	Phuy 180	Vật tư mới 100%	50	Cam kết
7	Dầu putin (pha sơn)	Kg		Vật tư mới 100%	400	Cam kết
8	Sơn màu nâu (chống rỉ)	Kg	S.AK-N:CSR 02	Vật tư mới 100%	680	Cam kết
9	Sơn màu vàng	Kg	AK-D77	Vật tư mới 100%	680	Cam kết
10	Chổi quét sơn	Cái	Cỡ 3"	Vật tư mới 100%	40	Cam kết

TT	Cụm/Hệ thống/Chi tiết	ĐVT	Số chế tạo/Quy cách	Các yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng	Ghi chú
11	Chổi lăn sơn	Cái	Cỡ 13,7cm	Vật tư mới 100%	30	Cam kết
12	Giẻ lau	Kg		Sạch	20	Cam kết

2.1. Mẫu bảng tổng hợp giá chào

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự gói thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của Nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng và các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì E-HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.

1. Tổng hợp giá chào.

TT	Yếu tố chi phí	Phương pháp tính	Giá trị (đồng)
1	Nguyên vật liệu		Chi phí vật tư vật liệu
2	Nhiên liệu		Chi phí vật tư nhiên liệu
3	Tiền lương:		Chi phí nhân công
	- Lao động trực tiếp		
	- Gián tiếp, phục vụ, phụ trợ		
4	BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN và KPCĐ		
5	Chi phí máy thi công		
6	Chi phí khác		
I	Giá trị sửa chữa (1÷6).		
II	Lợi nhuận định mức		
III	Thuế, phí, lệ phí.		
	Tổng hợp giá chào (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu – Webform trên Hệ thống)		

Đại diện hợp pháp Nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các yếu tố Chi phí Vật tư vật liệu, Nhân công trực tiếp được kết chuyển từ biểu tính tại Mục 2 và Mục 3 của Phần này.
- Các yếu tố chi phí còn lại được tính toán trên cơ sở các quy định hiện hành;
- Các từ viết tắt BHXH: Bảo hiểm xã hội; BHYT: Bảo hiểm y tế; BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp, BHTNLĐ-BNN: Bảo hiểm tai nạn, nghề nghiệp; KPCĐ: Kinh phí Công đoàn.
- Mẫu bảng tổng hợp giá chào bao gồm 5 phần: 1 - Tổng hợp giá chào; 2 - Chi phí vật tư, vật liệu; 3 - Chi phí nhân công; 4 - Chi phí máy thi công; 5 - Chi phí khác.
- Giá trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí vật tư, nhân công, các chi phí khác liên quan và thuế VAT được phân bổ trong BẢNG GIÁ DỰ THẦU HÀNG HÓA Mẫu số 11 (Webform trên hệ thống)

2. Chi phí vật tư vật liệu.

TT	Tên chi tiết vật tư phụ tùng	ĐVT	Quy cách/Số chế tạo	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng SC		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Cụm/ Hệ thống 1								
1	Chi tiết 1								
2	Chi tiết 2								
3								
II	Cụm/ Hệ thống 1								
1	Chi tiết 1								
2	Chi tiết 2								
3								
....	Các chi tiết và vật liệu phụ								
1	Chi tiết 1								
2	Chi tiết 2								
3								
Tổng cộng I + II+... (<i>Kết chuyển sang phần Tổng hợp giá chào</i>)									

Đại diện hợp pháp Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chi chú:

- Cột (1) (2) (3) (4) (6) (7) theo số liệu tại bảng tiên lượng khối lượng Chương V.

Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.

- Cột (8) (9) do Nhà thầu chào.

3. Chi phí nhân công

STT	Tên công việc	Số công (công)	Bậc thợ	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Cụm hệ thống 1					
1	Tháo, thay....Số lượng....					
2	Tháo, thaySố lượng....					
..					
II	Cụm hệ thống 2					
...	Tháo, thaySố lượng....					
	Tiền lương lao động trực tiếp					
	Tiền lương Gián tiếp, phục vụ, phụ trợ					
	Tổng cộng (<i>Kết chuyển sang phần Tổng hợp giá chào</i>)					

Đại diện hợp pháp Nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Biểu này do Nhà thầu lập trên cơ sở các nội dung công việc được xác định tại bảng tiên lượng khối lượng tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT

4. Chi phí máy thi công.

STT	Mã hiệu	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá ca phục vụ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=6x5	8
1							
2							
		Tổng cộng <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>					

Đại diện hợp pháp Nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

a. Yêu cầu về chất lượng vật tư, phụ tùng:

- Các Vật tư, phụ tùng có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, mới 100% chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật lắp đặt cho thiết bị. Những vật tư yêu cầu cung cấp chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng phải đảm bảo trong vòng 05 năm đối với vật tư kim loại và trong vòng 02 năm với vật tư phi kim loại

- Số lượng, chủng loại vật tư, phụ tùng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và phải đúng với bảng tiên lượng.

- Đối với các vật tư, phụ tùng nhập khẩu yêu cầu cung cấp chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng CO-CQ trong bảng Tiên lượng tại Chương V của E-HSMT (bao gồm cả thuế VAT) yêu cầu phải cung cấp chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng CO-CQ thì đơn vị cung cấp dịch vụ phải cung cấp các hồ sơ liên quan như sau:

+ 01 CO bản chính hoặc 02 bản sao chứng thực bởi đơn vị công chứng độc lập hoặc bản sao y của đơn vị nhập khẩu giáp lai các trang.

+ 01 CQ bản chính hoặc 02 bản sao chứng thực bởi đơn vị công chứng độc lập hoặc bản sao y của đơn vị nhập khẩu giáp lai các trang hoặc giấy chứng nhận chất lượng hợp lệ của nhà cung cấp theo quy định của pháp luật giáp lai các trang.

+ 02 Bản dịch tiếng Việt CO-CQ có xác nhận của đơn vị có chức năng dịch thuật giáp lai các trang.

+ Các tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của hàng hoá khác (biên bản giao nhận hàng hoá từ đơn vị nhập khẩu đến đơn vị cung cấp dịch vụ...)

- Đối với vật tư sản xuất trong nước có yêu cầu cấp giấy chứng nhận xuất xưởng thì phải có giấy chứng nhận chất lượng hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc văn bản tương đương do nhà sản xuất cung cấp.

- Nhà thầu phải cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ của tất cả các chủng loại vật tư, phụ tùng đưa vào thi công công trình.

b. Thời gian bảo hành thiết bị sau sửa chữa:

- 06 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị sau sửa chữa đưa vào sản xuất.

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành cho các vật tư thay thế, sửa chữa và nội dung công việc bảo dưỡng, sửa chữa liên quan theo yêu cầu của chủ đầu tư. Đối với các hạng mục chi tiết không phải thay thế trong quá trình sửa chữa, nhà thầu phải thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng yêu cầu của công tác sửa chữa và phải có trách nhiệm bảo hành đối với các chi tiết đó. Trường hợp các chi tiết sau

bảo dưỡng bị hư hỏng trong thời gian bảo hành, nhà thầu phải có trách nhiệm sửa chữa, thay thế để đảm bảo yêu cầu hoạt động ổn định của thiết bị.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, Biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

- Đặc điểm và điều kiện thi công
- Biện pháp an toàn chung
- Biện pháp thi công và biện pháp an toàn đối với các công việc cụ thể
- Kế hoạch huy động nhân sự, thiết bị
- Tổ chức thực hiện đáp ứng tiến độ.
- Biện pháp PCCC, an toàn cháy nổ, vệ sinh môi trường.
- Biện pháp quản lý chất lượng.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

* Nghiệm thu vật tư, phụ tùng

- Tất cả các vật tư, phụ tùng trước khi đưa vào sửa chữa thiết bị phải được Công ty Tuyển than Cửa Ông -TKV nghiệm thu.

+ Sau khi nghiệm thu, hai bên thống nhất lập biên bản “Nghiệm thu vật tư phụ tùng trước khi lắp mới”, là cơ sở để đơn vị sửa chữa thực hiện đưa vật tư, phụ tùng vào phục vụ sửa chữa thiết bị.

+ Phụ tùng thay mới đã được lắp lên các cụm chi tiết, bộ phận của thiết bị, đảm bảo đúng về số lượng, chất lượng đã được thống nhất; phụ tùng được lắp ráp đúng quy trình, tình trạng kỹ thuật của phụ tùng đó nói riêng và cả cụm chi tiết, bộ phận của thiết bị nói chung sau khi lắp ráp là phải đảm bảo kỹ thuật.

+ Vật tư phụ phục vụ sửa chữa thiết bị phải được sử dụng đúng yêu cầu và vị trí công việc, đủ cho việc sửa chữa.

- Nghiệm thu phụ tùng cũ thay ra sau sửa chữa:

+ Đơn vị sửa chữa có trách nhiệm thu hồi vật tư cũ thay ra sau sửa chữa thiết bị. Phế liệu phải nộp tại kho công ty Tuyển than Cửa Ông – TKV theo Biên bản Giám định kỹ thuật bước 2 và Biên bản Đánh giá phân loại vật tư thu hồi nhập kho.

* Nghiệm thu khối lượng hoàn thành, chạy thử không tải, có tải, nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao thiết bị vào sản xuất:

+ Căn cứ vào các biên bản giám định kỹ thuật bước 2, biên bản nghiệm thu vật tư phụ tùng trước khi lắp mới, sau khi đơn vị thi công sửa chữa xong thiết bị, đơn vị thi công cùng với đơn vị quản lý thiết bị tiến hành nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu chạy thử không tải và có tải và bàn giao thiết bị cho đơn vị quản lý thiết bị để đưa thiết bị vào làm việc.

+ Trong quá trình nghiệm thu nếu có vấn đề tồn tại về chất lượng sửa chữa thuộc trách nhiệm đơn vị thi công thì đơn vị thi công có trách nhiệm sửa chữa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật rồi mới được bàn giao thiết bị cho đơn vị quản lý thiết bị.

- Nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên Quy trình kỹ thuật. Ngoài ra, nhà thầu còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình sửa chữa theo quy định bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác.

- Toàn bộ hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết nêu tại Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật thuộc Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT.